**Phụ lục**

*(Kèm theo Kế hoạch số 2471 /KH-SGDĐT, ngày 06 tháng 8 năm 2019*

*của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT TỈNH ĐỒNG NAI  **ĐƠN VỊ ………………………..**  ––––––––––––– | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  ––––––––––––––––––––––––––  *………….., ngày tháng năm 2019* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình nhà trường đầu năm học 2019 – 2020**

*(Gửi Sở GD&ĐT để gửi đại biểu dự Lễ khai giảng năm học mới)*

––––––––––––––––

**I. SỐ LỚP – SỐ HỌC SINH**

1. Tổng số lớp: …… lớp. So với năm học trước tăng (giảm): …….. lớp.

2. Tổng số học sinh: …... So với năm học trước tăng (giảm): …... học sinh.

Trong đó:

- Số học sinh dân tộc thiểu số: .......... học sinh.

- Số học sinh diện chính sách: .......... học sinh.

- Số học sinh khuyết tật: .......... học sinh.

- Số học sinh có hoàn cảnh khó khăn: .......... học sinh.

**II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN**

1. Cán bộ quản lý: …… người. Thừa …. người; thiếu ….. người.

2. Giáo viên: ……. người. Thừa …. người; thiếu ….. người.

3. Nhân viên: ……. người. Thừa …. người; thiếu ….. người.

4. Số cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sĩ: …; tiến sĩ: ….. người.

5. Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đang theo học các lớp lý luận chính trị: ….., trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: ……. người (đang theo học trình độ thạc sĩ ……..; tiến sĩ: …… người).

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

1. Tổng số phòng học: …… phòng. Thừa …. phòng; thiếu …. phòng.

2. Tổng số phòng học bộ môn: …….. phòng. Thừa …. phòng; thiếu …. phòng.

………………………………………………………………………………………….

3. Thư viện: Đạt chuẩn 🞎 Chưa đạt chuẩn 🞎

4. Các thiết bị dạy học (còn thiếu những thiết bị nào): ………………………

……………………………………………………………………………………….

5. Trường đã đạt chuẩn quốc gia 🞎 Chưa đạt chuẩn 🞎 Năm dự kiến sẽ đạt chuẩn …………

**IV. CÁC THÀNH TÍCH NỔI BẬT TRONG NĂM HỌC 2018 – 2019**

1. Tỷ lệ học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi: …..%; học sinh tiên tiến: …%.

2. Số lượng học sinh đạt giải cấp tỉnh: …….; cấp quốc gia: …. học sinh.

3. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT: …..%.

4. Học sinh đi học nghề sau tốt nghiệp THPT: ….. học sinh, tỷ lệ …..%.

5. Học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng: ….. học sinh, tỷ lệ ….%.

6. Số giáo viên đạt giải cấp tỉnh ……; cấp quốc gia: ….. giáo viên.

7. Huy động xã hội hóa xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất: ….. đồng (các công trình: …………………..); trao học bổng cho …… học sinh, giúp đỡ …. học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tổng kinh phí …. đồng.

8. Các thành tích khác: ……………………………………………………….

**V. CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM HỌC 2019 – 2020**

**1. Các chỉ tiêu quan trọng**

- Duy trì sĩ số: ……….%. Học sinh lưu ban: …….%.

- Danh hiệu học sinh giỏi: ……%; học sinh tiên tiến: …..%.

- Số lượng học sinh đạt giải cấp tỉnh: …….; cấp quốc gia: …. học sinh.

- Số giáo viên đạt giải cấp tỉnh ……; cấp quốc gia: ….. giáo viên.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT: …..%.

- Học sinh đi học nghề sau tốt nghiệp THPT: ….. học sinh, tỷ lệ …..%.

- Học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng: ….. học sinh, tỷ lệ ….%.

**2. Các nhiệm vụ chủ yếu**

………………………………………………………………………………...

**VI. NHỮNG HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN; ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Hạn chế, khó khăn, nguyên nhân

………………………………………………………………………………………

2. Đề xuất, kiến nghị

……………………………………………………………………………………….

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, ghi rõ họ và tên)*